TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2017/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 11 - 2017
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Ngọc Như

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Xuân Điền

Bà Liêu Bích Nga

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Văn Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa*:** Bà Huỳnh Diễm Lệ - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 41/2017/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2017 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1959.

Địa chỉ thường trú: …AUSTRALIA.

Chỗ ở hiện nay: …AUSTRALIA.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1966

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(Ông Nguyễn Minh T có đơn xin xét xử vắng mặt, bà Lê Thị H có quyết định tuyên bố mất tích của Tòa án)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/02/2017, đơn khởi kiện bổ sung ngày 05/7/2017 và bản tự khai ngày 25/9/2017 nguyên đơn Nguyễn Minh T trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Lê Thị H đăng ký kết hôn ngày 16/5/1995 tại Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau. Sau khi kết hôn ông về Úc (Australia) sống, còn bà H thì ở lại Việt Nam. Đến năm 2011 ông trở lại Việt Nam nhưng không gặp bà H, bà

H đã bỏ đi khỏi địa phương. Đến tháng 10 năm 2015, ông tiếp tục về Việt Nam vẫn không gặp được bà H, ông đã làm đơn tuyên bố bà H mất tích. Tại Quyết định số 01/2016/QĐST-VDS, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã tuyên bố bà Lê Thị H mất tích. Nay ông yêu cầu giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị H.

Về con chung: Vợ chồng ông bà không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: Vợ chồng ông bà không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn Lê Thị H: Tại Quyết định số 01/2016/QĐST-VDS ngày 17/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã tuyên bố bà Lê Thị H mất tích.

Quan điểm của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, tống đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Ông Nguyễn Minh T và bà Lê Thị H tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau, nên hôn nhân của ông T và bà H là hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên, sau khi kết hôn ông T trở về Úc sinh sống, vợ chồng sống xa nhau một thời gian khá dài, không có điều kiện quan tâm, chăm sóc nhau và cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc. Đến năm 2011, ông T trở lại Việt Nam thì không tìm gặp được bà H nên năm 2015 ông T có đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố bà H mất tích. Tại quyết định số 01/2016/QĐST-VDS ngày 17/11/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu đã tuyên bố bà Lê Thị H mất tích. Nên giữa ông T, bà H không thể duy trì đời sống chung của vợ chồng nữa, mục đích hôn nhân không đạt được.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 56 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận cho ông Nguyễn Minh T được ly hôn đối với bà Lê Thị H; về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn Nguyễn Minh T là người có quốc tịch Úc (Australia) hiện đang cư trú tại Úc nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh

Bạc Liêu nhận được bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ và đơn xin xét xử vắng mặt của ông Nguyễn Minh T, nên căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Minh T. Đối với bị đơn Lê Thị H: Đã được Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu tuyên bố mất tích tại quyết định số 01/2016/QĐST-VDS ngày 17/11/2016.

[2] Về nội dung: Ông Nguyễn Minh T và bà Lê Thị H kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/5/1995 tại Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau. Nên có cơ sở để xác định hôn nhân giữa ông Nguyễn Minh T và bà Lê Thị H là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật Việt Nam bảo vệ. Sau khi kết hôn ông T về Úc sinh sống, ông T nhiều lần về Việt Nam tìm bà H nhưng đều không gặp. Ông T và bà H đã có thời gian hơn 20 năm sống xa nhau nên không còn tình cảm, đồng thời hiện nay bà H cũng đã được Tòa án tuyên bố mất tích. Tại khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: "*Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn*". Như vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Nguyễn Minh T đối với bà Lê Thị H.

[3] Về con chung và tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Minh T xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng ông bà không có con chung và tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T, xử cho ông Nguyễn Minh T được ly hôn với bà Lê Thị H. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280, điểm a khoản 5 Điều 477 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 19, Điều 51, khoản 2 Điều 56, Điều 122, Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Minh T đối với bà Lê Thị H.

1. Về hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Minh T được ly hôn với bà Lê Thị H.

2. Về con chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Nguyễn Minh T phải chịu 300.000 đồng. Ông Nguyễn Minh T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009560 ngày 24/7/2017 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí.

5. Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, ông Nguyễn Minh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng và bà Lê Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (02 bản);
- CTHADS tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- Đương sự (02 bản);
- Lưu: HS, Tổ HCTP (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký tên và đóng dấu)

Trần Ngọc Như